

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1606/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 14 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Tiêu chí theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới, giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2112/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020, trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 117/TTr-SNN ngày 06/5/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

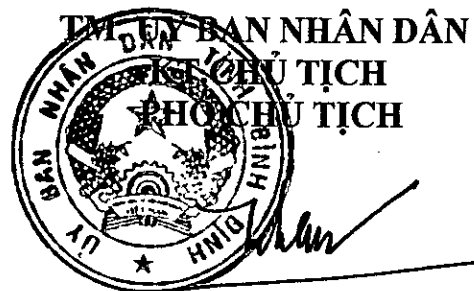
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020, trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới giai đoạn 2019 - 2020, trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

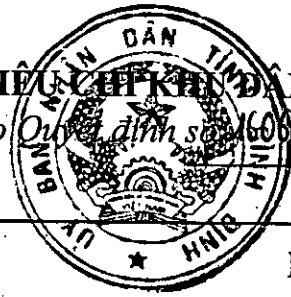
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- VPĐPNTM TW;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TV BCĐ xây dựng NTM tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K19.



Trần Châu

BIỂU 1. BỘ TIÊU CHÍ KHU ĐẠM CƯ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
(Ban hành kèm theo Quyết định số 160/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh)



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Đường giao thông	1.1. Đường trục thôn, liên thôn:	Đạt
		- Tỷ lệ đường trục thôn, liên thôn được nhựa hoặc bê tông và đạt cấp đường loại B	≥ 80%
		- Tỷ lệ đường thôn, liên thôn có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%
		- Có biển báo giao thông đầu các trục thôn (biển báo hạn chế tải trọng xe, biển chỉ dẫn...).	Đạt
		- Tỷ lệ đường có cây bóng mát hai bên đường (khoảng cách cây cách cây tối đa là 10m)	≥ 50%
		- Có Tổ tự quản của thôn ở mỗi trục đường thôn	Đạt
		1.2. Đường ngõ, xóm:	Đạt
		- Tỷ lệ đường ngõ, xóm được bê tông hóa và đạt cấp đường loại C	≥ 80%
		- Tỷ lệ đường ngõ xóm có mặt đường sạch, không lầy lội và đảm bảo không ứ đọng nước vào mùa mưa	100%
		- Tỷ lệ đường có cây bóng mát ở hai bên đường	≥ 40%
2	Hệ thống điện	2.1. Hệ thống điện đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật ngành điện (Lưới điện, trạm biến áp phân phối đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo khoảng cách an toàn và chất lượng điện năng theo quy định)	Đạt
		2.2. Tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	100%
		2.3. Tỷ lệ các tuyến đường trục thôn, liên thôn có hệ thống điện chiếu sáng	≥ 80%
3	Nhà ở và công trình phụ trợ	3.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng (đảm bảo 3 cứng: nền cứng, khung cứng, mái cứng; diện tích tối thiểu đạt 14m ² /người; niên hạn sử dụng tối thiểu 20 năm)	≥ 90%
		3.2. Không có nhà tạm, nhà dột nát	Đạt
		3.3. Các công trình phụ trợ thuận tiện sinh hoạt, ngăn nắp, hợp vệ sinh	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
4	Vườn hộ và công trình chăn nuôi	4.1. Số hộ thực hiện chỉnh trang vườn nhà	≥ 80%
		4.2. Tổng diện tích đất vườn còn lại (sau khi bố trí chuồng trại chăn nuôi, ao thả cá, sử dụng cho mục đích cần thiết khác nếu có) được trồng các loại cây do ngành nông nghiệp khuyến cáo, phù hợp với quy hoạch vùng sản xuất của địa phương để tăng thu nhập; có áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; đảm bảo cảnh quan đẹp; không có cây tạp trong vườn	≥ 80%
		4.3. Nông sản sản xuất tại vườn đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt
		4.4. Tối thiểu 90% hộ có chuồng trại chăn nuôi đúng quy cách kỹ thuật, có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học, đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt
		4.5. Tỷ lệ hàng rào cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh	≥ 70%
5	Nhà văn hóa và Khu thể thao thôn	5.1. Nhà văn hóa thôn:	Đạt
		- Nhà văn hoá thôn có tường rào, cổng ngõ (khuyến khích làm hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được phủ cây xanh, trồng hoa). Diện tích trồng cây xanh, trồng hoa của nhà văn hóa thôn tối thiểu là 20% (phần diện tích đất trống của khuôn viên nhà văn hóa thôn sau khi bố trí các hạng mục cần thiết khác)	Đạt
		- Công trình vệ sinh sạch sẽ, đảm bảo tiêu chuẩn	Đạt
		- Hệ thống truyền thanh đến được mọi nơi trong thôn; có hệ thống âm thanh, ánh sáng và các trang thiết bị khác đảm bảo sinh hoạt văn hóa, văn nghệ	Đạt
		5.2. Khu thể thao thôn:	Đạt
		- Có khu thể thao thôn đạt chuẩn	Đạt
		- Có một số dụng cụ luyện tập thể thao phù hợp với phong trào thể thao quần chúng ở địa phương	Đạt
		- Tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao đáp ứng nhu cầu người dân địa phương; thu hút người dân tham gia hoạt động thể dục, thể thao thường xuyên	≥25% dân số
5.3. Đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; đồng thời tổ chức thường xuyên các hoạt động tại nhà văn hóa - khu thể thao thôn	Đạt		
6	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm của khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu hơn ít nhất là 15% so với thu nhập bình quân đầu người/năm của xã.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
7	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	7.1. Văn hóa:	Đạt
		- Thôn được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn Văn hóa" liên tục tối thiểu 9 năm	Đạt
		- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn và giữ vững danh hiệu "Gia đình văn hóa"	≥90%
		- Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu, thu hút từ 40% trở lên người dân thường trú trên địa bàn tham gia	Đạt
		- Có ít nhất 01 đội hoặc 01 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
		7.2. Giáo dục:	Đạt
		- Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo	≥90%
		- Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1, trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 THCS	100%
		- Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp	≥95%
		- Không có học sinh bỏ học, không có học sinh xếp loại học lực yếu (đối với cấp học có xếp loại); không có học sinh vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật	Đạt
		7.3. Y tế:	Đạt
		- Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao	Đạt
		- Tỷ lệ dân số thường trú trên địa bàn được quản lý, theo dõi sức khỏe	≥90%
		- Tỷ lệ người tham gia BHYT	≥90%
8	Vệ sinh môi trường	8.1. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy	≥90%
		8.2. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp	≥50%
		8.3. Tỷ lệ các tuyến đường trong khu dân cư có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến	≥60%
		8.4. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt
		8.5. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥90%

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		8.6. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	100%
		8.7. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy định	100%
		8.8. Tỷ lệ hộ dân tham gia dịch vụ vệ sinh môi trường (nếu trên địa bàn có dịch vụ này)	100%
		8.9. Định kỳ tối thiểu 01 lần/tháng có tổ chức làm vệ sinh chung toàn thôn	Đạt
9	Hệ thống chính trị và An ninh, trật tự xã hội	9.1. Chi bộ thôn đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh	Đạt
		9.2. Thôn và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn đạt Danh hiệu tiên tiến, xuất sắc	Đạt
		9.3. An ninh trật tự đảm bảo; không có vụ việc hình sự xảy ra, không có cá nhân hoạt động chống Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện kéo dài	Đạt
		9.4. Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn xã hội trong năm xét công nhận	Đạt
10	Chấp hành pháp luật, quy ước, hương ước và các quy định khác của các tổ chức	10.1. Không có trường hợp vi phạm hương ước, quy ước	Đạt
		10.2. Tỷ lệ đóng nộp các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư và các khoản khác theo quy định của pháp luật đầy đủ, đúng thời gian.	100%

BIỂU 2. BỘ TIÊU CHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN MỚI TỈNH BÌNH ĐỊNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1400/QĐ-UBND ngày 14/5/2019 của UBND tỉnh)



TT	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Quy hoạch và thực hiện quy hoạch	1.1. Có bản vẽ hoặc sơ đồ quy hoạch - thiết kế vườn hộ được UBND xã xác nhận	Đạt
		1.2. Thực hiện đúng quy hoạch - thiết kế được UBND xã xác nhận	Đạt
2	Ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật	Có hệ thống tưới, tiêu khoa học và ít nhất có áp dụng một trong các ứng dụng tiên bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến	Đạt
3	Sản phẩm từ vườn	3.1. Sản phẩm hàng hoá đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm	Đạt
		3.2. Giá trị sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm nông nghiệp hàng hoá có giá trị kinh tế cao ⁽¹⁾ của tỉnh chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% tổng giá trị sản phẩm từ vườn	Đạt
4	Môi trường - Cảnh quan	4.1. Tỷ lệ hàng rào xanh	≥ 80%
		4.2. Tỷ lệ cây xanh trong diện tích đất ở của hộ gia đình	≥ 20%
		4.3. Chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo đúng quy cách kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường (có sử dụng bể biogas hoặc chế phẩm sinh học; đảm bảo vệ sinh môi trường,...)	Đạt
		4.4. Có hệ thống mương thoát nước thải đảm bảo vệ sinh, không ô nhiễm môi trường; chất thải rắn hộ gia đình trước khi tập kết tại điểm thu gom phải được phân loại	Đạt
5	Thu thập	Tổng thu nhập từ kinh tế vườn trong một năm (bao gồm tất cả các sản phẩm từ Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản...): - Đối với vườn có diện tích ≤ 1.000 m ² : - Đối với vườn có diện tích từ 1.000 m ² - 2.000 m ² : - Đối với vườn có diện tích từ 1.000 m ² - 2.000 m ² : - Đối với vườn có diện tích từ ≥ 3.000 m ² :	≥ 60 triệu đồng ≥ 80 triệu đồng ≥ 120 triệu đồng ≥ 150 triệu đồng

(1): Nông nghiệp hàng hoá có giá trị kinh tế cao, gồm các sản phẩm theo Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh như: Bò, heo, gia cầm, lạc, ớt, ngô, dưa,... và 1 số sản phẩm đặc thù có giá trị kinh tế cao của các địa phương, như: tiêu, bưởi da xanh...

